TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ VANG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 115 /2022/QĐST-HNGĐ	*Phú Vang, ngày 14 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015,

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân thụ lý số: 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Trần Ngọc Hải T, sinh năm: 1977; Địa chỉ: xóm 5, thôn An Lưu, xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1978; Địa chỉ: xóm 5, thôn An Lưu, xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 19/08/2022, Tòa án nhân dân huyện Phú Vang nhận được đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con đề ngày 17/8/2022, đối với người yêu cầu là bà Trần Ngọc Hải T và ông Nguyễn Văn T. Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T với ông T

- Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 09/02/2011

Yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của bà T và ông T, giao con chung cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho bà T

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tổ chức hòa giải nhưng hòa giải đoàn tụ không thành. Tại biên bản hòa giải ngày 06 tháng 9 năm 2022, bà T và ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu như ban đầu và yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên đương sự. Cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T đồng ý thuận tình ly hôn

- Về con chung: có 01 là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 09/02/2011

Hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho bà T

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận ông T chịu 150.000 đồng, bà T chịu 150.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Ngọc Hải T và ông Nguyễn Văn T

- Về con chung: có môt con chung tên là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 09/02/2011. Hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 09/02/2011 cho bà Trần Ngọc Hải T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L trưởng thành, đủ 18 tuổi; ông T không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho bà T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ

sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền án phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận bà T chịu 150.000 đồng, ông T chịu 150.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0001741 ngày 22/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang. Bà T, ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Vang;
- UBND xã Phú T;
(ĐK ngày 07/01/2011);
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS Phú Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Võ Sơn